

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Vũ Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hà Văn L - sinh năm 1987;

Nơi đăng ký HKTT: số nhà 04N, tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; "Có mặt".

- *Bị đơn:* Linh Thị Lệ T - sinh năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; "Vắng mặt, có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2018, Bản tự khai ngày 01 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Hà Văn L trình bày: anh L và chị T kết hôn với nhau từ ngày 23 tháng 3 năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2011 vợ chồng bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi chửi và đánh đập nhau. Mâu thuẫn hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Vợ chồng cũng có nhờ đến ban hòa giải khu phố can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Chị T đã bỏ đi học trường Trung cấp Y Thái Nguyên 03 năm, sau đó vợ chồng lại quay về đoàn tụ nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Tiếp đó chị T lại bỏ đi làm công nhân Sam Sung ở Bắc Ninh. Đến nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, không ai quan tâm đến ai, việc ai người nấy làm. Tại Tòa anh L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đã đến mức độ trầm trọng. Yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với chị Linh Thị Lệ T.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng anh L chị T có 01 con chung tên là Hà Linh Đài T - sinh ngày 01/8/2009 (giới tính: nữ). Khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: anh L xác định tài sản chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh L xác định nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án ngày 03 tháng 9 năm 2018, bị đơn Linh Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: xảy ra mâu thuẫn, chồng bảo thủ vũ phu, không thể tiếp tục chung sống được. Con gái Hà Linh Đài T do chồng trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có. Do chị T có công việc bận nên không có mặt tại Tòa án được và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T tại Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn Linh Thị Lệ T vắng mặt phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng bị đơn đã có đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (chị Thu).

Tại phiên tòa anh Hà Văn L xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hòa hợp với nhau được nữa, nếu có kéo dài cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Điều 239, 241, 242, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258).

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

* Về việc giải quyết vụ án:

+ Về tình cảm: anh L và chị T kết hôn với nhau từ ngày 23 tháng 3 năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống của anh L và chị T hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi chửi và đánh đập nhau. Mâu thuẫn hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Vợ chồng cũng có nhờ đến ban hòa giải khu phố can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Chị T đã bỏ đi học trường Trung cấp Y Thái Nguyên 03 năm, sau đó vợ chồng lại quay về đoàn tụ nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Tiếp đó chị T lại bỏ đi làm công nhân Sam Sung ở Bắc Ninh. Đến nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên đã làm đơn xin ly hôn.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên là Hà Linh Đài T - sinh ngày 01/8/2009.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa mâu thuẫn của hai người đã được làm rõ, anh L mâu thuẫn với chị T do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, khi mâu thuẫn có xảy ra việc cãi chửi và đánh đập nhau. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Biên bản xác minh ngày 11/10/2018 tại tổ T, phường S, thành phố C đã thể hiện vợ chồng L, T quá trình chung sống có hay xảy ra cãi chửi, đánh đập nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị T đã về nhà ngoại sinh sống được khoảng 01 năm. Khoảng tháng 09 năm 2017 tổ dân phố đã được hòa giải 01 lần, sau đó vài tháng lại tiến hành hòa giải do vợ chồng cãi nhau nhưng vẫn không mang lại kết quả.

- Về con chung: anh chị có 01 (một) con chung tên là Hà Linh Đài T, sinh ngày 01/8/2009. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh L tại tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của con chưa thành niên cháu Hà Linh Đài T. Cháu T cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với bố, vì bố cháu là người chủ yếu chăm sóc cháu, lo cho mọi sinh hoạt hàng ngày cũng như dạy cháu học bài. Còn mẹ cháu bận đi làm nên thỉnh thoảng mới chăm sóc cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử:

+ Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hà Văn L được ly hôn chị Linh Thị Lê T;

- Về con chung: cháu Hà Linh Đài T, sinh 01/8/2009 giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, không yêu cầu chị T góp tiền cấp dưỡng nuôi con.
 - Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nội dung vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Linh Thị Lệ T vắng mặt phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị T kết hôn với nhau từ ngày 23 tháng 3 năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh Hà Văn L và chị Linh Thị Lệ T kết hôn tự nguyện, có sự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2011, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi chửi và đánh đập nhau. Mâu thuẫn hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Vợ chồng cũng có nhờ đến ban hòa giải khu phố can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Chị T đã bỏ đi học trường Trung cấp Y Thái Nguyên 03 năm, sau đó vợ chồng lại quay về đoàn tụ nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Tiếp đó chị T lại bỏ đi làm công nhân Sam Sung ở Bắc Ninh. Đến nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, không ai quan tâm đến ai, việc ai người nấy làm. Tại Tòa anh L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đã đến mức độ trầm trọng. Yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với chị Linh Thị Lệ T. Biên bản xác minh ngày 11/10/2018 tại tổ T, phường S, thành phố C đã thể hiện vợ chồng L, T quá trình chung sống có hay xảy ra cãi chửi, đánh đập nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị T đã về nhà ngoại sinh sống được khoảng 01 năm. Khoảng tháng 09 năm 2017 tổ dân phố đã được hòa giải 01 lần, sau đó vài tháng lại tiến hành hòa giải do vợ chồng cãi nhau nhưng vẫn không mang lại kết quả.

Quan hệ hôn nhân không chỉ là quan hệ mang tính pháp lý mà còn là quan hệ tình cảm giữa người với người. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại phiên tòa anh L khẳng định: đến nay hai anh chị không khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, anh chị vẫn sinh sống mỗi người một nơi, không quan tâm đòai hoài gì đến nhau nữa. Cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu ly hôn chị T đồng ý. Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

Về con chung: hai đương sự xác nhận có 01 con chung tên là Hà Linh Đài T - sinh ngày 01/8/2009 (giới tính: nữ). Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh L tại tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi con thành niên và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng. Chị T có ý kiến để anh L nuôi con. Cháu T cũng có nguyện vọng được sống trực tiếp cùng bố. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu T cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình có quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị Linh Thị Lê T. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: hai đương sự cùng xác định tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn L và chị Linh Thị Lệ T.

Xử: cho ly hôn giữa anh Hà Văn L và chị Linh Thị Lệ T.

2. Về nuôi con chung: xử giao con chung Hà Linh Đài T - sinh ngày 01/8/2009 (giới tính: nữ) cho anh Hà Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

Việc thăm nom con sau khi ly hôn: sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản chung: hai đương sự cùng xác định tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: hai đương sự cùng xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Hà Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0000393 ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: anh Hà Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Linh Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nông Quốc Hùng